TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TY-TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15-9-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY,TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Duy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thanh Sơn

Ông Phạm Viết Thắng

Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thu Thuỷ – Thư ký Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TY tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân M, sinh năm 1985.

Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt".

Trú tại: Thôn C, xã H, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị Vũ Thị N, sinh năm 1987.

Vắng mặt không có lý do

Trú tại: Thôn L, xã M, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16-6-2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Xuân M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, thị xã K, tỉnh Hải Dương vào ngày 17-8-2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận,

hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Nguyễn Xuân M và chị Vũ Thị N cãi nhau, sau đó chị Vũ Thị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã M, huyện TY, tỉnh Yên Bái từ năm 2010 đến nay, lúc đó con chung của anh Nguyễn Xuân M và chị Vũ Thị N còn rất nhỏ. Kể từ khi về nhà bố mẹ đẻ, chị Vũ Thị N không hề hỏi thăm, chăm sóc con chung, hai vợ chồng cũng không quan tâm, liên lạc gì với nhau. Nay anh Nguyễn Xuân M xác định đời sống chung với chị Vũ Thị N thực tế không còn tồn tại, đề nghị Toà án nhân dân huyện TY giải quyết cho anh được ly hôn chị Vũ Thị N.

Về con chung: Anh và chị Vũ Thị N có 01 con chung là Nguyễn Q, sinh ngày 01-11-2009. Ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Q cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác, không yêu cầu chị Vũ Thị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Xuân M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện TY tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Vũ Thị N nhưng chị Vũ Thị N không đến Tòa án, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của chị Vũ Thị N. Mặt khác, anh Nguyễn Xuân M đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại đơn nguyện vọng, cháu Nguyễn Q có nguyện vọng được ở với bố là anh Nguyễn Xuân M.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, quyền và lợi ích của đương sự được đảm bảo. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân M được ly hôn chị Vũ Thị N.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Q, sinh ngày 01-11-2009 cho anh Nguyễn Xuân M trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Quân đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, chị Vũ Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Xuân M không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY. Tòa án nhân dân huyện TY nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng* :

Chị Vũ Thị N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn L, xã M, huyện TY, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Xuân M thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn anh Nguyễn Xuân M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị Vũ Thị N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Xuân M và chị Vũ Thị N có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân xã H, thị xã K, tỉnh Hải Dương vào ngày 17-8-2009 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại Thôn C, xã H, thị xã K, tỉnh Hải Dương đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Nguyễn Xuân M và chị Vũ Thị N cãi nhau, sau đó chị Vũ Thị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã M, huyện TY, tỉnh Yên Bái từ năm 2010 đến nay, không quan tâm, chăm sóc con chung, vợ chồng cùng không quan tâm, liên lạc gì với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái đã thông báo nhiều lần nhưng chị Nhung không đến Tòa, không có bản khai, như vậy chị Nhung đã tự từ bỏ quyền lợi và cơ hội hàn gắn cuộc sống vợ chồng của bản thân. Điều đó cho thấy hôn nhân giữa anh Nguyễn Xuân M và chị Vũ Thị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ cho anh Nguyễn Xuân M được ly hôn chị Vũ Thị N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Anh Nguyễn Xuân M và chị Vũ Thị N có 01 con chung là cháu Nguyễn Q, sinh ngày 01-11-2009. Ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Q, cho đến khi cháu Quân đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác, không yêu cầu chị Nhung cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, hiện nay cháu Quân đang ở cùng anh Nguyễn Xuân M, cháu Quân vẫn được anh Nguyễn Xuân M cho đi học đầy đủ và cháu Quân có nguyện vọng được ở với anh; mặt khác chị Vũ Thị N không có lời khai thể hiện ý chí về việc nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo sự ổn định về mọi mặt của con chung, cần giao cháu

Quân cho anh Nguyễn Xuân M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Quân đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Xuân M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản và nợ chung*: Anh Nguyễn Xuân M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Anh Nguyễn Xuân M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY tại phiên tòa đã phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp điều kiện thực tế, khách quan của các đương sự nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân M được ly hôn chị Vũ Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Q, sinh ngày 01-11-2009 cho Anh Nguyễn Xuân M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi, chị Vũ Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Xuân M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng tại Biên lai số AA/2022/0000426 ngày 16-6-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TY. Xác nhận anh Mạnh đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- UBND xã H, thị xã K, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phú Duy